



**Article info**

**Type of article:**

Original research paper

**DOI:**

<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.2.104-115>

**\*Corresponding author:**

Email address:

[trinhqn2000@gmail.com](mailto:trinhqn2000@gmail.com)

**Received:** 12/01/2026

**Received in Revised Form:**  
10/02/2026

**Accepted:** 04/03/2026

## Enhancing students' professional skills to meet the demands of improving training quality and human resource development in the new era: A survey at Quang Nam University

Nguyen Thi Tu Trinh  
Quang Nam University, Quang Nam, Vietnam

**Abstract:** In the context of the Fourth Industrial Revolution and digital transformation, which are profoundly changing the structure of employment and the demands placed on workers, developing professional skills for students has become an urgent requirement. Based on an analysis of several theoretical issues concerning professional skills in the new era, this paper clarifies the current practice of organizing professional skills training for students at Quang Nam University through curriculum innovation, an increased number of practice-oriented courses, internship and career experience activities, the fostering of digital skills, as well as the cooperation between the university, enterprises and employers. Selected survey data from students are used to illustrate their level of participation, needs and difficulties in the process of developing professional skills. On that basis, the paper highlights the main achievements and limitations, and proposes several solutions to enhance the effectiveness of professional skills training for students, thereby contributing to improving training quality, increasing employment opportunities for learners, and improving the quality of human resources for society.

**Keywords:** Professional skills, Students, Higher education, Quang Nam University, Human resource supply.



Thông tin bài viết  
Dạng bài viết:  
Bài báo nghiên cứu

DOI:  
<https://doi.org/10.58845/jstt.utt.2026.vn.6.2.104-115>

Tác giả liên hệ:  
Địa chỉ Email:  
[trinhqn2000@gmail.com](mailto:trinhqn2000@gmail.com)

Ngày nộp bài: 12/01/2026  
Ngày nộp bài sửa: 10/02/2026  
Ngày chấp nhận: 04/03/2026

## Tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực trong kỷ nguyên mới - Khảo sát tại Trường Đại học Quảng Nam

Nguyễn Thị Tú Trinh  
Trường Đại học Quảng Nam, Quảng Nam, Việt Nam

**Tóm tắt:** Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số đang làm thay đổi mạnh mẽ cơ cấu việc làm và yêu cầu đối với người lao động, việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên trở thành yêu cầu cấp thiết. Trên cơ sở phân tích một số vấn đề lý luận về kỹ năng nghề nghiệp trong kỷ nguyên mới, bài viết làm rõ thực tiễn tổ chức rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên tại Trường Đại học Quảng Nam thông qua việc cải tiến nội dung chương trình, bổ sung thêm các học phần gắn với thực tiễn, hoạt động thực tập, trải nghiệm nghề nghiệp, bồi dưỡng kỹ năng số, cũng như sự phối hợp giữa nhà trường với doanh nghiệp và đơn vị sử dụng lao động. Một số số liệu khảo sát sinh viên được sử dụng để minh họa mức độ tham gia, nhu cầu và khó khăn trong quá trình rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. Từ đó, bài viết chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cơ hội việc làm cho người học và cải thiện chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cho xã hội.

**Từ khóa:** Kỹ năng nghề nghiệp, Sinh viên, Giáo dục đại học, Trường Đại học Quảng Nam, Cung ứng nguồn nhân lực.

### 1. Giới thiệu

Ngày nay, với sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và chuyển đổi số, đã tác động sâu rộng đến mọi mặt của đời sống xã hội. Trong xu thế đó, thị trường lao động đòi hỏi chất lượng nguồn nhân lực phải có trình độ và kỹ năng ngày càng cao. Vì vậy, các trường đại học không chỉ trang bị kiến thức chuyên môn vững chắc mà còn phải chú trọng phát triển hệ thống kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho người học, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của người lao động và của quốc gia. Những yêu cầu đó cũng là nội dung cốt lõi được Đảng ta xác

định trong Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số” và Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về “Đột phá phát triển giáo dục và đào tạo” [1, 2]. Theo tinh thần các nghị quyết này, các cơ sở giáo dục đại học phải chuyển mạnh từ mô hình đào tạo chủ yếu truyền thụ kiến thức sang phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực, trong đó có hệ thống kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên số và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, định hướng phát triển giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2026-2035, tầm nhìn

đến năm 2045 cũng nhấn mạnh yêu cầu xây dựng hệ thống giáo dục đại học hiện đại, hội nhập, có năng lực cạnh tranh quốc tế, gắn chặt với nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động và doanh nghiệp. Trong định hướng này, phát triển kỹ năng số, năng lực thích ứng, tinh thần học tập suốt đời và tăng cường kết nối giữa nhà trường với thực tiễn nghề nghiệp được xem là những điều kiện quan trọng để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực [3].

Nhiều nghiên cứu cho thấy, mặc dù sinh viên tốt nghiệp có việc làm nhưng tỷ lệ làm đúng ngành chưa cao. Chẳng hạn, khảo sát sinh viên ngành Việt Nam học ở một số trường đại học cho thấy tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp đạt 83,83%, nhưng chỉ 26,31% làm đúng chuyên ngành đào tạo; 48,36% làm việc không liên quan đến chuyên ngành hoặc công việc ít liên quan đến chuyên môn [4]. Điều này gợi mở rằng, bên cạnh bằng cấp, hệ thống kỹ năng nghề nghiệp, đặc biệt là kỹ năng mềm và kỹ năng số có vai trò then chốt trong việc giúp sinh viên chuyển hóa kiến thức thành năng lực nghề nghiệp thực thụ.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy giáo dục đại học mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu của thị trường lao động. Nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp vẫn gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm phù hợp, trong khi nhu cầu sử dụng lao động chất lượng cao của xã hội là rất lớn. Một trong những nguyên nhân chủ yếu là do sinh viên còn thiếu các kỹ năng nghề nghiệp cần thiết, hạn chế về khả năng thích ứng với áp lực công việc, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề một cách sáng tạo. Điều đó cho thấy kỹ năng nghề nghiệp giữ vai trò then chốt đối với sự thành công của người lao động, song việc rèn luyện kỹ năng này trong các chương trình đào tạo chính khóa vẫn chưa được triển khai đầy đủ, đồng thời không ít sinh viên chưa nhận thức đúng mức tầm quan trọng của kỹ năng nghề nghiệp trong thực tiễn công việc.

Nhận thức rõ sự cần thiết của việc trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên, trong những năm học gần đây, Trường Đại học Quảng Nam đã chú trọng triển khai nhiều chương trình và hoạt

động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, góp phần giúp sinh viên sau khi ra trường có khả năng thích ứng với môi trường làm việc hiện đại, năng động và cạnh tranh cao, đồng thời đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các nhà tuyển dụng. Tuy nhiên, ở bối cảnh một trường đại học địa phương, việc tổ chức học tập trải nghiệm vẫn còn những giới hạn về nguồn lực, thời lượng, mức độ gắn với chuẩn đầu ra và cơ chế đánh giá hiệu quả. Do đó, bài viết không tiếp cận kỹ năng nghề nghiệp ở bình diện chung mà tập trung phân tích các hình thức học tập trải nghiệm tại Trường Đại học Quảng Nam và mức độ tác động của chúng tới quá trình hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Trên cơ sở đó, nghiên cứu cung cấp luận cứ thực tiễn để đề xuất giải pháp tăng cường học tập trải nghiệm nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp của sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết được thực hiện trên cơ sở kết hợp một số phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau:

- Phân tích, tổng hợp tài liệu: hướng vào các nội dung về kỹ năng nghề nghiệp, những đòi hỏi đặt ra đối với nguồn nhân lực trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số, các văn bản của Đảng và Nhà nước, các nghiên cứu về rèn luyện kỹ năng cho sinh viên.

- Điều tra xã hội học: được tiến hành bằng bảng hỏi, tập trung vào một số nhóm nội dung như mức độ tham gia các học phần, hoạt động gắn với thực tiễn nghề nghiệp; mức độ tham gia các học phần thực tế, tự đánh giá về kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng số.

- Thống kê mô tả: được sử dụng để xử lý, trình bày và minh họa các số liệu thu thập được, qua đó góp phần nhận diện rõ hơn thực trạng rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên Trường Đại học Quảng Nam.

## 3. Nội dung nghiên cứu

### 3.1. Kỹ năng nghề nghiệp và lợi ích của việc trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên

#### 3.1.1. Khái niệm, đặc điểm và nội dung của kỹ năng nghề nghiệp

##### 3.1.1.1. Khái niệm và đặc điểm

Theo Vũ Xuân Hùng, kỹ năng nghề nghiệp (professional skills hoặc vocational skills) là thuật ngữ có nguồn gốc từ kỹ năng (skill), nhưng nội hàm được mở rộng theo hướng khả năng và năng lực thực hiện của con người. Trong đó, cụm từ “năng lực thực hiện” được dịch từ tiếng Anh mang hàm nghĩa “competency” hay “competence”. Trên phương diện nghiên cứu, năng lực thực hiện được hiểu là sự tích hợp của ba thành tố liên quan bao hàm kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết hướng đến mục tiêu hoàn thành từng công việc cụ thể của nghề, không phải là sự tồn tại độc lập giữa chúng với nhau [5].

Theo James W. Bovinet, kỹ năng mềm hay kỹ năng nghề nghiệp dùng để chỉ tập hợp những khả năng và năng lực cá nhân mà người lao động đóng góp cho cơ quan, tổ chức của mình [6].

Hoàng Thị Tuyết cho rằng: “Kỹ năng nghề nghiệp (kỹ năng hành nghề) là nhóm kỹ năng giúp cá nhân không những tìm được việc làm mà còn phát triển trong tổ chức bằng cách phát huy tiềm năng và tham gia vào định hướng chiến lược của đơn vị” [7].

Từ các quan điểm trên, có thể khái quát rằng kỹ năng nghề nghiệp mang tính tổng hợp (kết hợp kiến thức - kỹ năng - thái độ), gắn với bối cảnh và chuẩn thực hiện công việc (điều kiện làm việc, thời gian, yêu cầu nhiệm vụ), đồng thời thể hiện ở khả năng thực hiện công việc thành thạo, linh hoạt và thích ứng để không chỉ đáp ứng yêu cầu tuyển dụng mà còn phát triển trong môi trường tổ chức.

### 3.1.1.2. Nội dung của kỹ năng nghề nghiệp

Kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên có thể khái quát theo các nhóm: (1) Nhận thức nghề nghiệp: hiểu yêu cầu nghề, đạo đức nghề, tác phong và định hướng phát triển; (2) Kỹ năng thực hành/tác nghiệp: thực hiện quy trình và nhiệm vụ chuyên môn, sử dụng công cụ-phương tiện nghề; (3) Kỹ năng mềm: giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, quản lý thời gian, tư duy phản biện-sáng tạo; và (4) Kỹ năng số (tùy ngành có thể gộp vào kỹ năng mềm): khai thác học liệu/dữ liệu, sử dụng phần mềm và công cụ cộng tác để phục vụ học tập và công việc. Khung nội dung này giúp xác

định rõ trọng tâm rèn luyện và là căn cứ để phân tích mức độ tác động của các hoạt động đào tạo/trải nghiệm đối với khả năng đáp ứng yêu cầu xã hội của sinh viên [8].

### 3.1.2. Những lợi ích của việc trang bị kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên

Việc trang bị và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp mang lại lợi ích trực tiếp và rõ ràng nhất là tăng khả năng có việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp. Thực tế cho thấy, bằng cấp là điều kiện cần nhưng không còn là bảo đảm cho việc được tuyển dụng, bởi nhà tuyển dụng ngày càng coi trọng năng lực thực hiện công việc và khả năng thích ứng. Vì vậy, nhiều sinh viên sau khi ra trường vẫn gặp khó khăn khi tìm việc không phải do thiếu kiến thức chuyên môn, mà do hạn chế về kỹ năng mềm, kỹ năng số và kinh nghiệm thực tiễn.

Không dừng lại ở cơ hội tuyển dụng, kỹ năng nghề nghiệp còn giúp kết nối tri thức với yêu cầu thực tiễn. Thông qua thực tập, tham quan nghề nghiệp, dự án học tập, hoạt động nghiên cứu khoa học hoặc trải nghiệm gắn với doanh nghiệp, sinh viên có điều kiện vận dụng kiến thức đã học vào tình huống cụ thể, từ đó hiểu rõ hơn yêu cầu của nghề, chuẩn mực công việc và năng lực cần có. Quá trình trải nghiệm cũng giúp người học nhận diện điểm mạnh, điểm yếu, điều chỉnh kế hoạch học tập, bổ sung năng lực còn thiếu và hình thành định hướng phát triển nghề nghiệp phù hợp.

Quan trọng hơn, nền tảng kỹ năng nghề nghiệp vững vàng giúp sinh viên khẳng định giá trị bản thân trong môi trường cạnh tranh và tạo tiền đề cho phát triển lâu dài. Những năng lực như giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện và khả năng thích ứng không chỉ hỗ trợ hoàn thành nhiệm vụ trước mắt mà còn thể hiện tiềm năng phát triển của người lao động trẻ. Đây cũng là nhóm năng lực mà các nhà tuyển dụng xem như tín hiệu về khả năng làm việc hiệu quả, học hỏi nhanh và phù hợp với yêu cầu của thời đại số và hội nhập.

### 3.2. Thực tiễn rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên tại Trường Đại học Quảng Nam

Trường Đại học Quảng Nam định hướng

phát triển theo mô hình đại học đa ngành theo hướng ứng dụng; thực hiện sứ mạng đào tạo giáo viên và nhân lực trình độ đại học, sau đại học, đồng thời bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Nam và khu vực Trung Trung Bộ – Tây Nguyên. Triết lý giáo dục “Cùng nhau kiến tạo cơ hội (Creating opportunities together)” nhấn mạnh việc phát triển năng lực, tri thức, kỹ năng và phẩm chất không tự hình thành mà cần sự chung sức của toàn bộ nhà trường; qua đó hướng tới các mục tiêu phát triển toàn diện, kiến tạo và trách nhiệm.

Trong những năm gần đây, nhà trường chú trọng gắn kết đào tạo với thực tiễn thông qua các học phần thực tế, thực tập, dự án học tập và hoạt động trải nghiệm đa dạng. Dưới đây là một số hình thức học tập trải nghiệm tiêu biểu và kết quả khảo sát mức độ tham gia, đánh giá tác động của sinh viên.

**3.2.1. Kết quả nghiên cứu**

Nhằm làm rõ thực trạng hình thành kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên, tác giả đã tiến hành khảo sát 120 sinh viên từ năm thứ hai đến năm thứ tư ở tất cả các chuyên ngành đào tạo. Dữ liệu thu thập từ khảo sát không chỉ phản ánh mức độ nhận thức và khả năng tiếp cận kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên, mà còn cho thấy những khó khăn, hạn chế trong quá trình rèn luyện và phát triển các kỹ năng cần thiết. Từ kết quả khảo sát này, bài viết

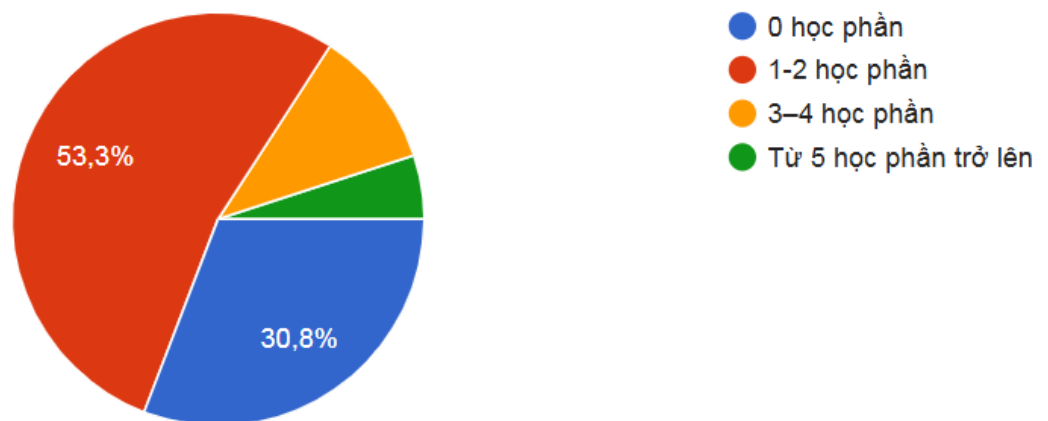
tiếp tục phân tích từng nội dung cụ thể để làm nổi bật thực trạng vấn đề trên các nội dung như sau:

Một là, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp thông qua trải nghiệm các học phần thực tế.

Các học phần thực tế có vai trò quan trọng trong rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp vì giúp sinh viên chuyển hóa kiến thức chuyên môn thành năng lực thực hiện nhiệm vụ trong bối cảnh nghề nghiệp. Thay vì chỉ tiếp nhận lý thuyết, người học được đặt vào tình huống gắn với công việc thực tế để quan sát, thao tác, thu thập thông tin, tương tác và phản hồi; qua đó hình thành sự hiểu biết về yêu cầu nghề, tăng khả năng vận dụng kiến thức và phát triển các kỹ năng mềm cần thiết.

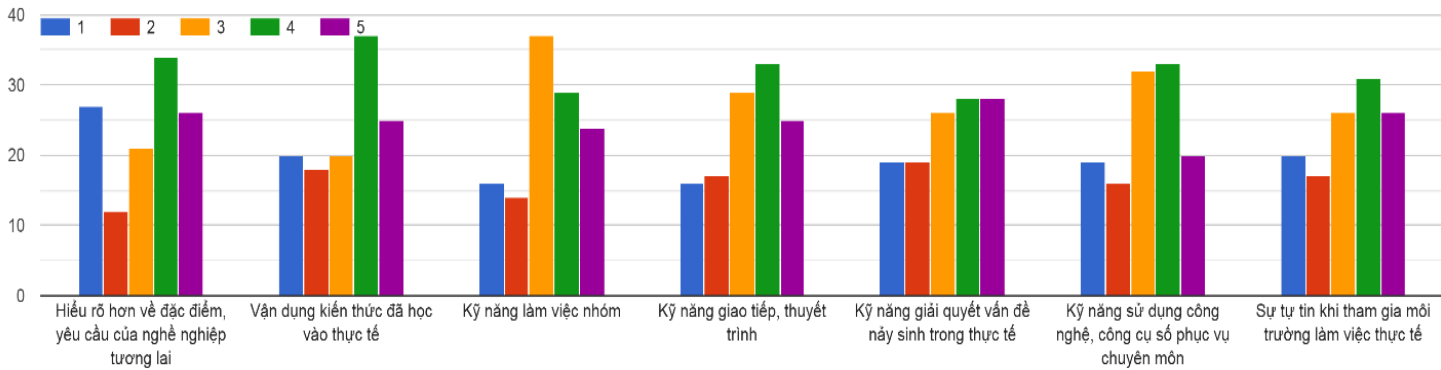
Tại Trường Đại học Quảng Nam, hình thức này được triển khai ở nhiều ngành (cả sư phạm và ngoài sư phạm) thông qua thực hành, tham quan nghề nghiệp và học tập ngoài trường gắn với từng học phần chuyên ngành. Chẳng hạn, ở học phần Cơ sở Khảo cổ học (ngành Lịch sử), sinh viên học tập thực tế tại bảo tàng để quan sát và phân tích hiện vật; còn với ngành Việt Nam học, sinh viên tham gia các chuyến học tập tại một số di tích và cơ sở thực hành chuyên môn phục vụ định hướng nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa–du lịch. Những hoạt động này tạo điều kiện để sinh viên vừa củng cố kiến thức, vừa rèn luyện kỹ năng tác nghiệp (thu thập tư liệu, phân tích, mô tả, trình bày) và kỹ năng phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

120 câu trả lời



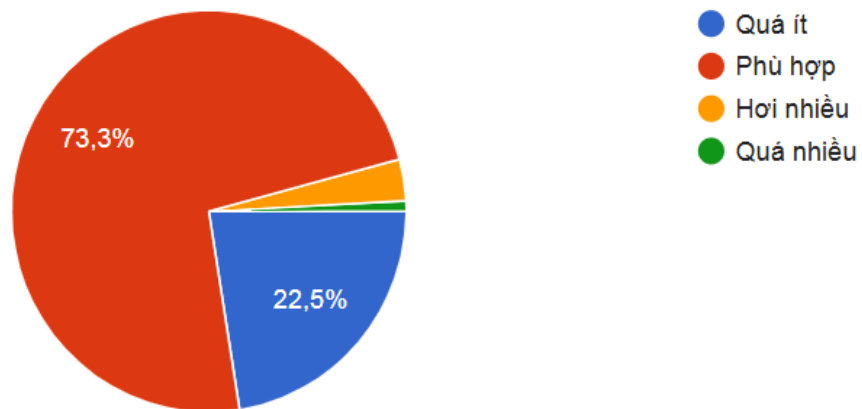
**Hình 1.** Mức độ tham gia các học phần thực tế của sinh viên trong rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp

Câu 3: Các học phần thực tế giúp bạn rèn luyện các kỹ năng sau:



**Hình 2.** Đánh giá của sinh viên về hiệu quả các học phần thực tế trong rèn luyện

120 câu trả lời



**Hình 3.** Đánh giá của sinh viên về thời lượng các học phần thực tế trong chương trình đào tạo

Kết quả khảo sát 120 sinh viên năm thứ hai đến năm thứ tư cho thấy phần lớn sinh viên đã có cơ hội tham gia ít nhất một học phần gắn với thực tiễn nghề nghiệp. Cụ thể, khoảng 53% cho biết đã tham gia từ 1–2 học phần thực tế, và khoảng 10,8% đã tham gia từ 3 học phần thực tế trở lên. Điều này cho thấy các học phần thực tế đã bước đầu được lồng ghép vào chương trình đào tạo, góp phần giúp sinh viên tiếp cận môi trường nghề nghiệp ngay trong quá trình học tập (Hình 1).

Về hiệu quả rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, đa số sinh viên đánh giá tích cực đối với các học phần thực tế. Trên thang đo 1–5, mức lựa chọn 4–5 xuất hiện nhiều hơn rõ rệt so với 1–2 ở tất cả các nhóm kỹ năng, cho thấy người học nhìn chung ghi

nhận tác động tích cực của hoạt động thực tế. Nổi bật nhất là các kỹ năng liên quan đến nhận thức nghề nghiệp và vận dụng kiến thức (như “hiểu rõ hơn yêu cầu của nghề nghiệp tương lai”, “vận dụng kiến thức đã học vào thực tế”). Bên cạnh đó, một bộ phận đáng kể sinh viên cũng đánh giá cải thiện kỹ năng mềm như làm việc nhóm, giao tiếp–thuyết trình và giải quyết vấn đề, đặc biệt trong các nhiệm vụ báo cáo, trình bày sản phẩm hoặc tương tác với đối tượng thực tế (Hình 2).

Ngoài ra, khoảng một nửa số người tham gia khảo sát trả lời cho rằng học phần thực tế giúp tăng tự tin khi tham gia môi trường làm việc và cải thiện việc sử dụng công cụ công nghệ/công cụ số phục vụ chuyên môn. Mức độ hài lòng chung về nội dung

và cách thức tổ chức ở mức tích cực với khoảng 73,3% sinh viên hài lòng hoặc rất hài lòng. Tuy nhiên, vẫn có khoảng 22,5% cho rằng thời lượng thực tế còn ít hoặc hơi ít, gợi ý nhu cầu tăng cường tính liên tục và chiều sâu của trải nghiệm trong chương trình đào tạo (Hình 3).

Hai là, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp thông qua mô hình dự án “công dân xanh-thành phố lành mạnh”.

Một trong những mô hình tiêu biểu giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp là học tập theo dự án, điển hình như dự án “Công dân xanh - Thành phố lành mạnh” với sự tham gia của sinh viên Khoa Kinh tế - Du lịch. Trong khuôn khổ dự án, sinh viên được tham gia các workshop, thảo luận nhóm và thực hành xây dựng sản phẩm truyền thông về du lịch, môi trường và di sản địa phương. Các em trực tiếp tìm hiểu di tích, thu thập tư liệu, xây dựng kịch bản, quay dựng video, thiết kế ấn phẩm số và tổ chức hoạt động truyền thông tại cộng đồng. Qua đó, sinh viên không chỉ củng cố kiến thức chuyên môn mà còn phát triển năng lực sáng tạo nội dung, làm việc nhóm, quản lý dự án nhỏ, giao tiếp cộng đồng và ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực truyền thông du lịch. Khảo sát sau dự án cho thấy phần lớn sinh viên tự tin hơn trong thuyết trình, hợp tác nhóm và nhận thức rõ hơn trách nhiệm công dân của mình trong phát triển du lịch bền vững.

Dự án “Công dân xanh - Thành phố lành mạnh” được triển khai trong năm học 2025-2026 với sự tham gia của gần 100 sinh viên đến từ các lớp ngành Việt Nam học, và một số ngành liên quan. Kết thúc dự án, sinh viên đã xây dựng được 02 sản phẩm truyền thông (video clip, bài viết, infographic, ấn phẩm số...), tổ chức 02 buổi truyền thông trực tiếp tại cộng đồng/nhà trường. Khảo sát nhanh sau dự án cho thấy khoảng 70% sinh viên tự đánh giá mình tự tin hơn khi thuyết trình và làm việc nhóm, trong khi 85% khẳng định dự án giúp các em nhận thức sâu sắc hơn về trách nhiệm công dân và vai trò của truyền thông trong phát triển du lịch bền vững.

Ba là, thông qua tổ chức ngày hội STEAM để

tăng kỹ năng giải quyết tình huống trong học tập và nghiên cứu.

Trường Đại học Quảng Nam đã triển khai hoạt động trải nghiệm quy mô toàn trường dành cho sinh viên sư phạm trong bối cảnh công nghệ số phát triển mạnh. Ngày hội tạo môi trường để sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề sư phạm, tăng cường giao tiếp sư phạm và thử sức trong việc tổ chức các hoạt động học tập tích cực.

Trong khuôn khổ sự kiện, sinh viên trực tiếp hướng dẫn học sinh tiểu học tham gia các hoạt động theo chủ đề STEAM; đồng thời tự thiết kế và trình bày các mô hình/sản phẩm mang tính sáng tạo. Quá trình chuẩn bị và triển khai yêu cầu người học vận dụng kiến thức liên môn, kết hợp công cụ số để giải quyết các tình huống dạy học gần với thực tiễn. Nhờ đó, sinh viên được củng cố tư duy logic, năng lực giải quyết vấn đề, khả năng sáng tạo, cũng như kỹ năng trình bày và bảo vệ ý tưởng, những năng lực cốt lõi đối với nghề giáo viên. Đây cũng là một hình thức giáo dục trải nghiệm góp phần đổi mới đào tạo theo định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp.

Giai đoạn 2024–2025, Ngày hội STEAM đã được tổ chức 2 lần, thu hút gần 1.200 sinh viên sư phạm tham gia mỗi năm. Thống kê cho thấy có khoảng 20 mô hình/sản phẩm STEAM được trưng bày qua các mùa ngày hội; nhiều sản phẩm tiếp tục được điều chỉnh, hoàn thiện và sử dụng trong các giờ dạy thực tập sư phạm. Khảo sát sau hoạt động cho thấy 80% sinh viên tham gia nhận định ngày hội giúp nâng cao đáng kể kỹ năng thiết kế hoạt động trải nghiệm, tổ chức lớp học và giao tiếp sư phạm.

Bốn là, thông qua chương trình khởi nghiệp và kết nối doanh nghiệp để tăng cường kỹ năng nghề nghiệp.

Để sinh viên chủ động chuẩn bị cho thị trường lao động sau khi ra trường, Nhà trường thường xuyên tổ chức các chương trình khởi nghiệp, hội thảo nghề nghiệp và gặp gỡ doanh nghiệp dành cho sinh viên năm ba và năm tư. Thông qua các hoạt động này, sinh viên có cơ hội tiếp cận trực tiếp với môi trường nghề nghiệp thực

té, đồng thời tiếp thu những chia sẻ, kinh nghiệm quý báu từ nhà tuyển dụng, doanh nhân, cựu sinh viên thành đạt và các chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau. Nhờ đó, sinh viên được định hướng về con đường phát triển nghề nghiệp cá nhân, cách xây dựng kế hoạch học tập và rèn luyện các kỹ năng mềm. Trong quá trình tham gia, các em có điều kiện rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, tư duy khởi nghiệp, làm việc nhóm và xử lý các tình huống thực tiễn. Nhiều sinh viên chia sẻ rằng trải nghiệm trực tiếp với doanh nghiệp giúp họ nhìn thấy rõ những kỹ năng còn thiếu và cơ hội để cải thiện, từ đó chủ động điều chỉnh hành trang nghề nghiệp của bản thân.

Năm là, thông qua việc mở rộng sân chơi về kỹ năng trong các hoạt động Đoàn - Hội

Các hoạt động của Đoàn Thanh niên đóng vai trò then chốt trong việc đồng hành và hỗ trợ sinh viên phát triển kỹ năng nghề nghiệp, khởi nghiệp và năng lực hội nhập quốc tế trong thời đại chuyển đổi số hiện nay. Tổ chức Đoàn - Hội không chỉ là môi trường rèn luyện lý tưởng sống, đạo đức và lối sống đẹp, mà còn là cầu nối giúp sinh viên củng cố kỹ năng số, kỹ năng mềm và tư duy sáng tạo, qua đó đáp ứng tốt hơn những đòi hỏi ngày càng cao của thị trường lao động.

Tại Trường Đại học Quảng Nam, các hoạt động của Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên đã trở thành môi trường thực tiễn sinh động giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất nghề nghiệp. Hàng năm, nhà trường triển khai nhiều phong trào ý nghĩa như “Mùa hè xanh”, “Tiếp sức mùa thi”, “Hiển máu nhân đạo”, “Thanh niên tình nguyện vì cộng đồng”, “Sinh viên thanh lịch”,... qua đó bồi dưỡng tinh thần nhân ái, ý thức trách nhiệm xã hội, đồng thời giúp sinh viên phát triển kỹ năng tổ chức, lãnh đạo và làm việc nhóm. Bên cạnh đó, các câu lạc bộ như Câu lạc bộ Kỹ năng mềm, Tiếng Anh, Tài năng sinh viên, Truyền thông và Khởi nghiệp hoạt động sôi nổi, tạo môi trường để sinh viên rèn luyện giao tiếp, tư duy sáng tạo, thuyết trình và hợp tác nhóm.

Nhờ những hoạt động phong phú, thiết thực này, sinh viên Đại học Quảng Nam không chỉ được

trang bị kiến thức, kỹ năng xã hội và nghề nghiệp cần thiết mà còn hình thành tinh thần chủ động, tự tin, năng động, dám đổi mới, những phẩm chất quan trọng của nguồn nhân lực trẻ trong thời kỳ hội nhập và chuyển đổi số. Qua đó, tổ chức Đoàn - Hội thật sự trở thành người bạn đồng hành tin cậy, góp phần xây dựng thế hệ sinh viên Quảng Nam bản lĩnh, sáng tạo và giàu khát vọng cống hiến.

Sáu là, thông qua bồi dưỡng kỹ năng số trong học tập và nghiên cứu của sinh viên

Trong kỷ nguyên số hiện nay, quá trình chuyển đổi số tạo ra những thay đổi mạnh mẽ đối với giáo dục và đào tạo. Điều đó đặt ra yêu cầu sinh viên không chỉ nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn phải phát triển các kỹ năng nghề nghiệp một cách toàn diện, đặc biệt là kỹ năng số, để có thể thích nghi với sự cạnh tranh gay gắt của thị trường lao động hiện nay. Vì vậy, bồi dưỡng kỹ năng số cho sinh viên đã trở thành một năng lực cốt lõi, gắn với khả năng làm việc hiệu quả trong xu thế hội nhập.

Song song với các hoạt động trải nghiệm, Trường Đại học Quảng Nam chú trọng trang bị kỹ năng số và khuyến khích sinh viên ứng dụng công nghệ trong học tập, nghiên cứu. Sinh viên tích cực sử dụng thư điện tử, ứng dụng nhắn tin, mạng xã hội, hệ thống học trực tuyến và các nền tảng họp trực tuyến để tìm kiếm tài liệu, trao đổi với giảng viên, làm bài tập và thực hiện dự án.

Để tạo môi trường thuận lợi cho sinh viên tham gia quá trình chuyển đổi số, nhà trường đầu tư cơ sở vật chất hiện đại với hệ thống phòng học, phòng thực hành được trang bị máy chiếu, tivi, âm thanh, internet tốc độ cao và thư viện điện tử AzLib với nguồn tài liệu phong phú. Sinh viên được khuyến khích chủ động tra cứu sách điện tử, bài luận, tạp chí và học liệu mở, qua đó rèn luyện tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và khả năng thích ứng trong môi trường số. Khảo sát gần 120 sinh viên cho thấy mạng xã hội là kênh được sử dụng nhiều nhất (77%) để phục vụ giao tiếp trong học tập; dù phần lớn sinh viên chưa thường xuyên sử dụng thư viện điện tử AzLib, nhưng đã có bộ phận sinh viên tích cực tìm hiểu, khai thác nguồn học

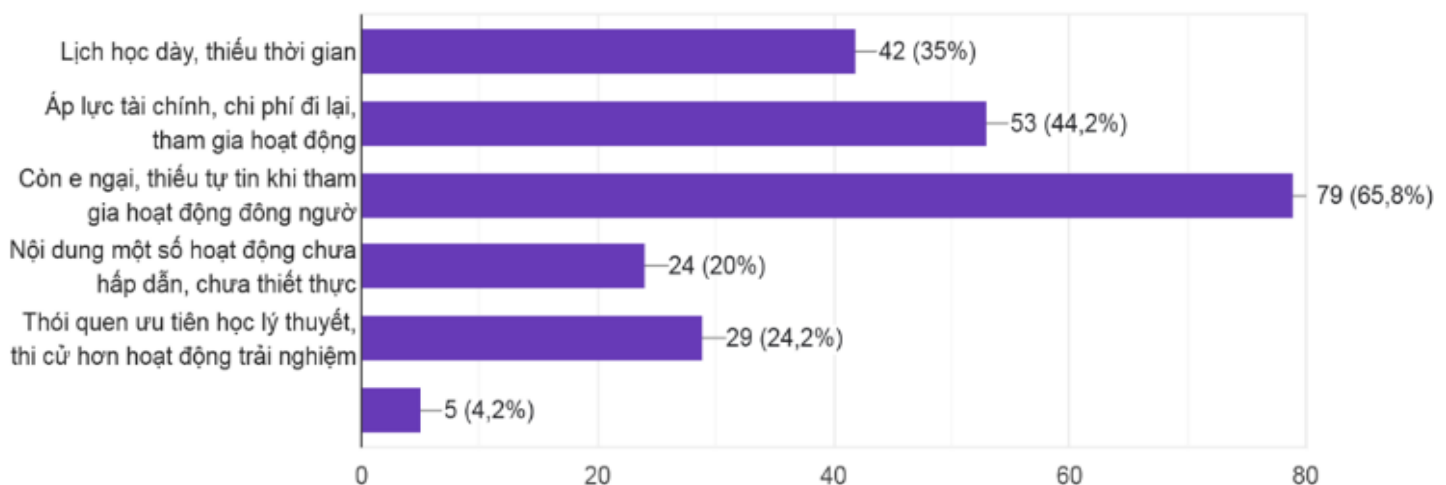
liệu số, thể hiện tinh thần chủ động, năng động và sáng tạo trong học tập và nghiên cứu.

Tổng hợp các hoạt động từ trải nghiệm thực tế, học tập theo dự án đến ứng dụng chuyển đổi số đã tạo nên môi trường rèn luyện đa dạng, góp phần hình thành cho sinh viên hệ thống kỹ năng nghề nghiệp ngày càng toàn diện, phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động và xu thế phát triển của đất nước. Theo phản hồi từ một số doanh nghiệp, khoảng 70% sinh viên có thể vận dụng các công cụ số và phần mềm chuyên môn đã được tiếp cận trong quá trình học vào công việc thực tế; sinh viên có nhiều trải nghiệm thực tiễn thường tự tin hơn khi giao tiếp, hợp tác nhóm và xử lý nhiệm vụ độc lập, đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc trong bối cảnh thị trường lao động biến đổi nhanh hiện nay.

Bên cạnh những kết quả đạt được, dữ liệu khảo sát cũng cho thấy việc hình thành và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên Trường Đại học Quảng Nam vẫn còn một số hạn chế nhất định như sau:

Thứ nhất, mặc dù các hình thức học tập trải nghiệm bước đầu đem lại hiệu quả tích cực, việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên trên thực tế vẫn còn không ít hạn chế. Kết quả khảo sát cho thấy tần suất tham gia các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên còn thấp; phần lớn sinh viên chỉ tham gia từ 1–2 lần/năm, tỷ lệ tham gia thường xuyên chưa cao, và vẫn còn một bộ phận sinh viên gần như không tham gia. Đặc biệt, tỷ lệ sinh viên thực sự chủ động tham gia các hoạt động này chỉ đạt khoảng 22,5% (Hình 4).

120 câu trả lời



**Hình 4.** Yếu tố cản trở việc tham gia các hoạt động rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên

Thực trạng trên cho thấy những rào cản trong quá trình rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp không chỉ xuất phát từ điều kiện khách quan như thiếu thời gian, hạn chế về kinh phí hay thiếu thông tin về hoạt động, mà còn đến từ chính yếu tố chủ quan của sinh viên, như kỹ năng tự tổ chức còn hạn chế, tâm lý e ngại và thiếu tự tin khi tham gia môi trường tập thể. Theo kết quả khảo sát, có tới 65,8% sinh viên cho biết còn e ngại khi tham gia hoạt động đồng người, trong khi 44,2% gặp khó khăn về tài chính (Hình 4).

Thứ hai, bên cạnh những hạn chế xuất phát

từ phía sinh viên, quá trình rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp còn cho thấy một số bất cập từ phía chương trình đào tạo và môi trường hỗ trợ học tập. Trước hết, việc tích hợp nội dung rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp vào chương trình đào tạo ở một số ngành học vẫn chưa đồng đều. Trong một số học phần, nội dung kỹ năng mới chỉ dừng lại ở mức lồng ghép trong giờ học lý thuyết, vì vậy sinh viên chưa có nhiều cơ hội để thực hành, trình bày, thảo luận, làm việc nhóm hoặc xử lý các tình huống nghề nghiệp giả định. Điều này khiến việc hình thành kỹ năng nghề nghiệp chưa thật sự bền vững,

trong nhiều trường hợp vẫn chủ yếu dựa vào sự tự rèn luyện của sinh viên.

Thứ ba, mặc dù nhà trường đã quan tâm tăng cường hoạt động gắn kết với doanh nghiệp, song phạm vi và tần suất hợp tác vẫn còn hạn chế. Số lượng doanh nghiệp tham gia các chương trình tọa đàm, tư vấn nghề nghiệp, tham quan thực tế hoặc đồng hành trong các học phần thực hành chưa nhiều; cơ chế phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong xây dựng chuẩn đầu ra kỹ năng, góp ý chương trình đào tạo và tổ chức thực tập nghề nghiệp vẫn cần tiếp tục hoàn thiện. Thực tế này ảnh hưởng đến mức độ cập nhật và phù hợp của kỹ năng nghề nghiệp mà sinh viên được hình thành so với yêu cầu của thị trường lao động.

### **3.3. Giải pháp tăng cường rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên trong kỷ nguyên mới**

#### **3.3.1. Gắn các hoạt động trải nghiệm với đánh giá đầu ra và minh chứng năng lực của sinh viên**

Gắn hoạt động trải nghiệm với đánh giá đầu ra và minh chứng năng lực là điều kiện then chốt để học tập trải nghiệm thực sự góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp. Nhà trường cần xây dựng rubric đánh giá rõ ràng cho từng loại hoạt động, bao quát đầy đủ tiêu chí về kiến thức, kỹ năng, thái độ; đồng thời thiết kế cơ chế đánh giá dựa trên sản phẩm, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và khả năng giải quyết vấn đề trong bối cảnh gắn với môi trường làm việc. Các hoạt động trải nghiệm nên được tích hợp vào chương trình chính khóa dưới dạng học phần/tín chỉ có kiểm tra, đánh giá tương đương các môn học khác, qua đó bảo đảm tính nghiêm túc, minh bạch và chất lượng đầu ra.

#### **3.3.2. Thiết kế các hoạt động trải nghiệm theo lộ trình liên tục, tăng dần độ sâu**

Để trải nghiệm có chiều sâu và diễn ra liên tục, nhà trường cần xây dựng lộ trình rèn luyện tăng dần từ quan sát - mô phỏng - thực hành tại hiện trường, hạn chế các hoạt động đơn lẻ, rời rạc. Có thể phân tầng theo năm học: năm nhất định hướng nghề và rèn kỹ năng nền; năm hai tăng cường bài tập tình huống và dự án nhỏ theo học phần; năm ba tham gia dự án thực tế với đối

tác/doanh nghiệp và đảm nhiệm vai trò rõ ràng; năm cuối thực tập chuyên sâu, giải quyết bài toán thật và hoàn thiện hồ sơ năng lực (portfolio). Cách tổ chức này giúp kỹ năng được tích lũy, nâng dần và nâng cao mức độ sẵn sàng làm việc sau tốt nghiệp.

#### **3.3.3. Hoàn thiện chương trình đào tạo theo hướng tăng cường tích hợp kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên**

Nhà trường cần tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo theo hướng chuẩn hóa chuẩn đầu ra và bám sát nhu cầu tuyển dụng, trong đó xác định rõ các nhóm kỹ năng ưu tiên cho từng ngành và cập nhật định kỳ từ phản hồi của doanh nghiệp, cựu sinh viên. Trên cơ sở đó, chương trình được tinh gọn và hiện đại hóa bằng cách loại bỏ các nội dung trùng lặp/không còn phù hợp, tích hợp những học phần gần nhau, bổ sung học phần mới và tăng tỷ trọng thực hành – trải nghiệm. Các kỹ năng thiết yếu như làm việc độc lập/làm việc nhóm, giao tiếp, tin học, ngoại ngữ, truyền thông và kỹ năng số cần được thiết kế theo cấu trúc mở, gắn với tình huống nghề nghiệp đặc thù của từng ngành, làm căn cứ cho tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá. Đồng thời, nhà trường duy trì cơ chế rà soát chương trình định kỳ (2 năm/lần) gắn với kiểm định chất lượng để bảo đảm cân đối hợp lý giữa khối kiến thức chuyên môn và khối kỹ năng nghề nghiệp, qua đó nâng cao mức độ sẵn sàng làm việc của sinh viên sau tốt nghiệp.

#### **3.3.4. Đa dạng hóa hình thức học tập trải nghiệm, dự án gắn với cộng đồng và doanh nghiệp**

Trên nền tảng những mô hình đã triển khai như học phần thực tế, dự án “Công dân xanh – Thành phố lành mạnh”, Ngày hội STEAM..., nhà trường cần tiếp tục mở rộng và đa dạng hóa các loại hình học tập trải nghiệm theo hướng gắn với nhiệm vụ nghề nghiệp cụ thể. Có thể xây dựng các học phần dự án gắn với giải quyết những vấn đề của địa phương, doanh nghiệp hoặc cộng đồng, trong đó sinh viên là chủ thể tham gia từ khâu đề xuất ý tưởng, lập kế hoạch, triển khai đến báo cáo và đánh giá kết quả.

Nhà trường cần khuyến khích các khoa, bộ môn phát triển những mô hình như “studio nghề nghiệp”, “phòng lab kỹ năng” hoặc các chương trình học tập tại hiện trường để sinh viên được làm việc trong môi trường giả lập hoặc thực tế. Thông qua đó, sinh viên không chỉ củng cố kiến thức chuyên môn mà còn rèn luyện năng lực nghiên cứu, tổ chức, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề và làm việc nhóm – những kỹ năng rất cần thiết trong kỷ nguyên mới.

### 3.3.5. Tăng cường cơ chế hỗ trợ, tư vấn và đồng hành với sinh viên trong rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp

Trường Đại học Quảng Nam cần xây dựng kế hoạch tổng thể cho các hoạt động hỗ trợ, tư vấn và đồng hành với sinh viên trong rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, gắn chặt với các học phần và hoạt động trải nghiệm. Trong đó, cần phát huy vai trò của cố vấn học tập thông qua việc tổ chức định kỳ các buổi tư vấn, chia sẻ về kỹ năng nghề nghiệp theo đặc thù từng ngành; tăng cường mời chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên thành đạt tham gia tọa đàm, workshop, talkshow định hướng nghề nghiệp và phát triển kỹ năng. Đồng thời, củng cố và phát triển các bộ phận chức năng như trung tâm tư vấn, hỗ trợ sinh viên, câu lạc bộ kỹ năng nghề nghiệp, tạo kênh kết nối để sinh viên dễ dàng tiếp cận thông tin, cơ hội trải nghiệm và được hỗ trợ kịp thời.

Việc tăng cường cơ chế hỗ trợ, tư vấn và đồng hành không chỉ đáp ứng nhu cầu chính đáng của sinh viên, mà còn góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bảo đảm sự thống nhất giữa mục tiêu rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp với các điều kiện bảo đảm về chương trình, đội ngũ, hoạt động ngoại khóa và môi trường học tập tại Trường Đại học Quảng Nam.

## 4. Kết luận

Có thể khẳng định kỹ năng nghề nghiệp giữ vai trò đặc biệt quan trọng đối với sinh viên, giúp người học tự tin thích ứng trong môi trường lao động hiện đại. Trước yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động, nhà trường cần xem phát triển kỹ năng nghề nghiệp là nhiệm vụ xuyên suốt, cần

đổi mới chương trình theo chuẩn đầu ra gắn vị trí việc làm, tăng cường trải nghiệm thực hành, mở rộng liên kết doanh nghiệp... Song song đó, sinh viên phải nhận thức rõ trách nhiệm của mình, chủ động tự học, tự rèn luyện, tích cực tham gia hoạt động ngoại khóa, các hoạt động trải nghiệm. Chỉ khi nhà trường triển khai đồng bộ và sinh viên chủ động bản thân, mới có thể đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn lao động chất lượng cao, không chỉ giỏi chuyên môn mà còn thành thạo kỹ năng, sẵn sàng hội nhập và đóng góp thiết thực cho sự phát triển của xã hội.

### Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Chính trị. (2024). Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
- [2] Bộ Chính trị. (2025). Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.
- [3] Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). Góp ý dự thảo Khung chiến lược phát triển giáo dục đại học Việt Nam. Cổng Thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [4] Nguyễn Thị Bích, Nguyễn Thị Hảo và Phạm Hoàng Giang (2024). Tỷ lệ sinh viên ngành Việt Nam học có việc làm sau tốt nghiệp: Thực trạng và giải pháp. Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Trường Đại học Thành Đông, Số 12, 43–52.
- [5] Vũ Xuân Hùng. (2016). Bàn về phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Tạp chí Khoa học Dạy nghề, số 35, tháng 8/2016, Viện Nghiên cứu Khoa học Dạy nghề.
- [6] Bovinet, J. W. (2003). Marketing job skills: Educator, practitioner, and student perceptions. Proceedings of the Academy of Marketing Studies, 8(1), 7–14.
- [7] Hoàng Thị Tuyết. (2012). Các chiến lược phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên UEF. Kỷ yếu Hội thảo Huấn luyện kỹ năng và thái độ - tạo dựng hành trang vững chắc cho sinh viên vào đời, Khoa Giáo dục Đại cương, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM (UEF), ngày 24/11/2012.

- [8] Ceylan, T. (2006). Development of “Soft Skills” in a Technical Elective. Proceedings of the Joint Conference of the North Central and Illinois/Indiana Sections of the American Society for Engineering Education (ASEE), Fort Wayne, Indiana, March 31–April 2, 2006.